TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2019/DS-PT
Ngày 20/9/2019
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương.
Ông Quách Văn Thành.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLPT-DS ngày 05/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/QĐ-PT ngày 19/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị D - sinh năm 1963.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph; sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: P.C, xã Th.V, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

* Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph.

* Tại phiên tòa: Có mặt bà D và bà Ph.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn trình bày; Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2019, tại bản tự khai ngày 19/02/2019, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2019, bà Phan Thị D trình bày:

Vào ngày 09/4/2018, bà Nguyễn Thị Ph có vay của bà số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày, và hẹn đến ngày 15/4/2018 sẽ trả nợ. Đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Ph thanh toán số nợ như đã cam kết thì bà Ph chỉ trả cho bà được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và trả làm hai lần. Lần thứ nhất là vào ngày 12/5/2018 trả được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và đến ngày 25/5/2018 trả thêm cho bà được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Nay

bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph phải trả cho bà số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh với lãi suất là 1,5%/tháng theo từng thời điểm.

Tại phiên tòa, bà D thay đổi mức lãi suất và yêu cầu bà Ph phải trả nợ tiền gốc và lãi phát sinh theo từng thời điểm trả nợ với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0.833%/tháng cho đến khi thực hiên xong nghĩa vụ trả nợ. Số tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc và lãi trên lãi theo từng thời điểm bà D yêu cầu cụ thể như sau:

- Lãi suất tính từ ngày vay (ngày 09/4/2018) đến ngày 12/5/2018 trên số nợ gốc là 230.000.000đ, khoản này là [(230.000.000đ x 0.833%): 30 ngày)] x 33 ngày = 2.107.000đ.

- Đến ngày 12/5/2018, bà Ph đã trả cho bà D được 50.000.000đ tiền gốc, số tiền bà Ph còn nợ bà D là 180.000.000đ + 2.107.000đ = 182.107.000đ. Số tiền gốc và lãi phát sinh mà bà Ph phải trả cho bà D tính từ ngày 13/5/2018 đến ngày 25/5/2018 là 12 ngày, khoản này là [(182.107.000đ x 0.833%): 30 ngày)] x 12 ngày = 606.780đ.

- Đến ngày 25/5/2018, bà Ph đã trả cho bà D được số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền bà Ph còn nợ lại bà D là 132.107.000đ + 606.780đ = 132.713.000đ. Số tiền gốc và lãi phát sinh mà bà D phải trả cho bà Ph tính từ ngày 26/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2019) là 13 tháng, khoản này là [(132.713.000đ x 0.833%)] x 13 tháng = 14. 371.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi phát sinh mà bà D yêu cầu bà Ph phải trả tính đến thời điểm xét xử là 132.713.000đ + 14.371.000đ = 147.084.000đ. Ngoài ra bà D còn yêu cầu, sau ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà Ph chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Ph còn phải chịu số tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Theo bị đơn trình bày:

Tại bản tự khai ngày 18/02/2019 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà có vay tiền của bà D hai lần, cụ thể là ngày 09/4/2018 vay số tiền là 180.000.000đ và đến ngày 15/4/2018 vay tiếp số tiền là 50.000.000đ. Tổng số tiền vay của cả hai lần là 230.000.000đ với lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/1ngày. Bà đã trả toàn bộ số tiền gốc cho bà D là 230.000.000đ và trả làm ba lần nhưng không nhớ rõ ngày nào và cũng không lấy giấy vay tiền gốc đem về vì bà D nói "đã trả hết gốc rồi thì không cần lấy giấy gốc về nữa". Đối với số tiền lãi, bà đã trả được cho bà D số tiền là 3.600.000đ trên số tiền gốc là 180.000.000đ trên mười ngày lãi. Số tiền lãi còn lại, bà D tính bao nhiêu bà không biết nên bà chưa trả được lãi cho bà D vì lãi suất quá cao. Nay bà D yêu cầu bà phải trả số tiền gốc là lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.084.000đ, bà không đồng ý vì bà đã trả cho bà D toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bà D.

***** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành đã quyết định:

Căn cứ: Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 BLDS. Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho bà Phan Thị D số tiền là 147.084.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ thời điểm tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Ph còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/7/2019, bà Nguyễn Thị Ph (bị đơn) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội D; Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm vì đã trả hết nợ. Giấy vay tiền đã bị tẩy xóa không đúng với giấy gốc; không được đối chất với bà D; không đồng ý hạ lãi xuất; đề nghị giám định lại tờ giấy vay.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về những nội D tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội D kháng cáo: Ngày 09/4/2019, bà Nguyễn Thị Ph có vay của bà Phan Thị D số tiền 230.000.000đ, hai bên đều thừa nhận và được thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 09/4/2018 có chữ ký và chữ viết ghi rõ họ và tên Nguyễn Thị Ph.

Giấy vay tiền thể hiện việc bà Ph mới trả được cho bà D số tiền của hai lần là 100.000.000đ, bà D cũng thừa nhận là bà Ph đã trả được 100.000.000đ. Việc bà Ph khai đã trả hết tiền gốc cho bà D nhưng không lấy giấy gốc về là không có căn cứ và cũng không đúng như giấy vay tiền gốc mà các bên đã ký kết với nhau. Bà D không thừa nhận việc bà Ph đã trả hết số tiền vay và đề nghị buộc bà Ph phải trả số tiện vay còn lại 130.000.000đ cùng với lãi theo quy định..

- Bà Ph kháng cáo không được đối chất: Tài phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều có mặt bà D và bà Ph, các bên đã được trình bày, đưa ra căn cứ chứng minh, được tranh luận, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Nhưng vẫn không có tài liệu chứng cứ nào mới so với các tài liệu đã xuất trình và trình bày trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phượng, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 26/6/2019 của TAND huyện Thạch Thành.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội D kháng cáo: Ngày 09/4/2019, bà Nguyễn Thị Ph có vay của bà Phan Thị D số tiền 230.000.000đ, hai bên đều thừa nhận và được thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 09/4/2018 do bà D xuất trình (bản gốc), phía cuối có chữ ký và chữ viết ghi rõ họ và tên Nguyễn Thị Ph.

Bà Nguyễn Thị Ph cho rằng đã trả hết số tiền gốc là 230.000.000đ cho bà D, nhưng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm không xuất trình được căn cứ nào thể hiện việc trả nợ. Bà D không thừa nhận mà chỉ chấp nhận bà Ph đã trả 02 lần được 100.000.000đ, còn lại 130.000.000đ đề nghị buộc bà Ph phải trả nợ.

Bà Ph cho rằng giấy vay tiền bà D xuất trình không đúng với gấy gốc đã chỉnh sửa, tẩy xóa nội D trong giấy. Xét thấy giấy vay tiền ngày 09/4/2018 (BL02) do bà Ph viết bằng mực xanh lam có ký tên người vay với nội D: *"Ph vay của chị D số tiền là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu), vay thêm 50.000.000 (năm mươi triệu). Hẹn 15/4/2018 sẽ trả. Tổng hai trăm ba mươi triệu đồng (230.000.000)*. Phía dưới có ghi thêm bằng mực đen với nội D: *"Ngày 12/5/2018, Ph trả chị D 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) còn lại số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Lãi xuất 2.000/triệu/ngày"*. Góc phía trên cùng bên trái có dòng chữ ngày *"25/5/2018, Ph trả thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu)*".

Tại phiên tòa, bà Ph thừa nhận các chữ viết và chữ ký trên giấy vay do bà viết và ký tên. Giấy vay tiền xuất trình tại Tòa án là bản gốc, không phải là bản phô tô, các nội D thể hiện đúng với việc vay và trả tiền, các chỗ gạch xóa không ảnh hưởng đến số tiền vay và trả giữa hai bên. Như vậy, giấy vay tiền thể hiện việc bà Ph đã trả cho bà D hai lần (ngày 12/5/2018 và 25/5/2018) số tiền 100.000.000đ, bà D cũng thừa nhận là là đúng. Việc bà Ph khai đã trả hết tiền gốc 230.000.000đ cho bà D nhưng không viết giấy là không có căn cứ. Bà D không thừa nhận việc này nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bà Ph kháng cáo không được đối chất: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều có mặt bà D và bà Ph, các bên đã được trình bày, đưa ra căn cứ chứng minh, được tranh luận, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Nhưng vẫn không có tài liệu chứng cứ nào mới so với các tài liệu đã xuất trình và trình bày trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Về lãi suất: Bà D yêu cầu bà Ph trả khoản tiền gốc và lãi phát sinh theo từng thời điểm trả nợ với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0.833%/tháng).

Xét thấy, yêu cầu của bà D là phù hợp quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã xem xét tính đúng, tính đủ, cụ thể: Tổng số tiền gốc và lãi phát sinh mà bà D yêu cầu bà Ph phải trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (26/6/2019) là 147.084.000đ, trong dó tiền nợ gốc 130.000.000đ, lãi phải trả 17.084.000đ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo nhưng không có căn cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành.

[3]. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành

2. Áp dụng: - Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dan sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

3. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho bà Phan Thị D số tiền là **147.084.000đ** (Một trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc 130.000.000đ, nợ lãi 17.084.000đ.

Kể từ thời điểm tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2019) cho đến khi thi hành án xong, bà Ph còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

* Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu số tiền 7.354.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Phan Thị D 3.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003532 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003704 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng